

NGHIÊN CỨU TÍNH ĐA DẠNG THỰC VẬT TRONG MỘT SỐ THẨM THỰC VẬT RỪNG HOÀ MỤC, TỈNH BẮC KẠN

HOÀNG THỊ THUÝ HẰNG

Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn

TRẦN ĐÌNH LÝ

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Hoà Mục là xã vùng cao miền núi của huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn, có tổng diện tích tự nhiên 2.658,62 ha. Địa hình đồi núi cao, độ dốc lớn bình quân 24 - 29⁰, diện tích đồi núi chiếm khoảng 90% tổng diện tích tự nhiên, diện tích đất bằng chiếm khoảng 10%, đất nông nghiệp chủ yếu là ruộng bậc thang và các bãi bồi dọc theo hệ thống sông suối nhỏ. Xã có 1.321,51 ha đất lâm nghiệp, trong đó rừng sản xuất là 965,43 ha và rừng phòng hộ là 569,13 ha. Rừng là hệ sinh thái có giá trị đa dạng lớn nhất và là nơi sinh sống của các loài động vật, thực vật và côn trùng trên cạn và có vai trò cực kỳ to lớn trong cuộc đấu tranh chống lại biến đổi khí hậu. Do đời sống khó khăn người dân địa phương đã khai thác quá mức và trồng rừng với quy mô nhỏ lẻ, nên độ che phủ rừng giảm nhanh chóng. Mất rừng đã gây ra nhiều hậu quả lớn như lũ lụt, hạn hán, xói mòn, đất... làm cho đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Để nghiên cứu vai trò thảm thực vật rừng trong việc bảo vệ môi trường, tích trữ nước, duy trì độ phì nhiêu cho đất, điều chỉnh tác động tiêu cực của các hiện tượng thời tiết cực đoan, chúng tôi tiến hành nghiên cứu tính đa dạng thực vật trong các thảm thực vật, đặc biệt là rừng Hoà Mục của tỉnh Bắc Kạn.

I. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu: Là các trạng thái thảm thực vật ở Hoà Mục tỉnh Bắc Kạn bao gồm: rừng thứ sinh; thảm cây bụi; thảm cỏ.

2. Phương pháp nghiên cứu: Tuyển điều tra: Xác định địa điểm nghiên cứu, căn cứ vào bản đồ của khu vực lập các tuyến điều tra. Tuyến điều tra đầu tiên có hướng vuông góc với đường đồng mức, các tuyến sau song song với tuyến đầu. Chiều rộng quan sát của tuyến điều tra là 4m, khoảng cách giữa các tuyến là 50m. Dọc theo tuyến điều tra bố trí ô tiêu chuẩn và ô dạng bản (2m x 2m) để thu thập số liệu ô tiêu chuẩn.

Ô tiêu chuẩn: Để thu thập số liệu thảm thực vật, ô tiêu chuẩn 400m² (20m x 20m) cho các trạng thái rừng, thảm cây bụi và 4m² (2m x 2m) đối với trạng thái thảm cỏ. Ô dạng bản được bố trí trên các đường chéo, đường vuông góc và các cạnh của ô tiêu chuẩn. Ngoài ra dọc hai bên tuyến điều tra đặt thêm các ô dạng bản phụ để thu thập số liệu bổ sung. Trong các ô tiêu chuẩn xác định tên khoa học, dạng sống của các loài thực vật.

Điều tra trong nhân dân: Bằng phiếu điều tra và trực tiếp phỏng vấn người chủ rừng hoặc các cơ quan chuyên môn để nắm được các thông tin về điều kiện tự nhiên, trạng thái rừng, tên loài thực vật, tác động của con người...

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng về thành phần loài trong các kiểu thảm thực vật

1.1. Trạng thái rừng thứ sinh

Ở kiểu rừng này, thảm thực vật rất đa dạng về thành phần loài cũng như về cấu trúc hình thái bao gồm các loài như Dẻ gai (*Castanopsis* sp.), Cây muối (*Rhus chinensis*), Thành ngạnh

(*Cratoxylon polyanthum*), Thầu tấu (*Apososis dioica*), Sơn (*Rhus succedanea*), Chò (*Engelhardtia roxburghiana*), Trám trắng (*Canarium album*), Lim xanh (*Erythrophleum fordii*), Cà bông (*Solanum erionthum*), Rau óm (*Diplazium donianum*), Dương xỉ vảy (*Dryopteris intergriloba*), Sơn cúc nhám (*Wedelia urticaefolia*), Muồng lạc (*Cassia tora*), Mâm xôi (*Rubus alcaefolius*), Bìm (*Ipomoea chrysoides*), Cỏ sả (*Cymbopogon caesius*), Bùm bụp (*Mallotus luchenensis*), Cỏ lào (*Chromolaena odoratum*), Ngải (*Excentrodendron tonkinense*), Thị đốt cao (*Diospiros susarticulata*), Cà ôi (*Castanopsis ferox*), Đa bóng (*Ficus vasculosa*), Mạ sữa (*Heliciopsis lobata*), Cỏ sâu dóm (*Setaria lutescens*), Lau (*Saccharum arundinaceum*), Lát hoa (*Chukrasia tabularis*), Bồ đề (*Styrax tonkinsis*), Sung (*Ficus racemosa*), Núc nác (*Oroxylum indicum*)...

1.2. Trạng thái thảm cây bụi

Trảng cây bụi thường gặp trong các điểm nghiên cứu, đó là các cây ưa sáng mọc nhanh như: Bồ cu vẽ (*Breynia fruticosa*), Cỏ ke lán (*Grewia glabra*), Muồng lạc (*Senna tora*), Sơn cúc nhám (*Wedelia urticaefolia*), Cỏ cắt lợn (*Ageratum conyzoides*), Ké đầu ngựa (*Xanthium inaequilaterum*), Ban riết (*Hypericum japonicum thunex*), Thành ngữ (*Cratoxylon cochinchinensis*), Màng tang (*Listea cubebar*), Lông cu li (*Cibotium barometz*), Gột (*Dicranopteris linearis*), Dương xỉ vảy (*Dryopteris intergriloba*), Cỏ lá tre lá nhỏ (*Acroceras munroanum*), Mua đất (*Melastoma septemnerium*), Bìm búp (*Ipomoea chrysoides*), Bọ mảy (*Clerodendron cyrtophyllum*), Bồng bong (*Lygodium flexuosum*), Dây riết (*Derris elliptica*), Bồng bong leo (*Lygodium scandens*), Cúc chi thiên (*Elephantopus scaber*), Thài lài (*Commelina communis*), Cỏ lá tre (*Centosteca lappacea*), Bọt ếch lông (*Glochidion erocarpum*), Mua vảy (*Melastoma candidum*), Me rừng (*Phyllanthus emblica*), Chó đẻ (*Phyllanthus urinaria*), Găng tắng (*Randia dasycarpa*), Sim (*Rhodomirtus tomentosa*), Mua đời (*Melastoma sanguineum*), Chân chim núi (*Schefflera pes-avis*), Đại khái (*Heteropanax fragrans*), Đàng (*Scheffera octophyllia*), Đu đủ rừng (*Trevesia sphaerocarpa*), Thông thảo (*Tetrapanax papyriferus*), Chổi sê (*Baeckea frutescens*), Lầu (*Psychotria reevesii*), Hồng bì (*Clausena lansium*), Sục sặc sét (*Crotalaria ferruginea*)... Chúng thường mọc thành những quần thể nhỏ gần như thuần loài.

1.3. Trạng thái thảm cỏ

Trảng cỏ thứ sinh thường xuất hiện sau nương rẫy đã bỏ hoang hoá, phổ biến và chiếm ưu thế là các loài: Dương xỉ vảy (*Dryopteris intergriloba*), Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*), Rau dớn (*Diplazium esculentum*), Gột (*Dicranopteris linearis*), Cỏ màn trâu (*Eleusine indica*), Chó đẻ (*Phyllanthus urinaria*), Cỏ lông vược (*Echinochloa crus - galli*), Cỏ lông (*Ischaemum indicum*), Cỏ gừng (*Panicum repens*), Cỏ sâu dóm (*Setaria lutescens*), Thông ắt (*Lycopodiella cernua*), Quyển bá (*Selaginella uncinata*), Chè vè (*Miscanthus floridulus*), Cỏ sả (*Cymbopogon caesius*), Lau (*Saccharum arundinaceum*), Ban riết (*Hypericum japonicum*)... Trên thảm cỏ mọc rải rác các loài cây bụi và dây leo như Bồ cu vẽ (*Breynia fruticosa*), Hoàng lực (*Zanthoxylum nitidum*)...

2. Đa dạng số họ, số chi trong các trạng thái thảm thực vật

Tại điểm nghiên cứu Hoà Mộc chúng tôi thu thập được 83 họ, 174 chi. Số họ, số chi trong các trạng thái thảm thực vật được trình bày ở Bảng 1 như sau.

Qua Bảng 1 ta thấy số lượng các họ, chi tại các trạng thái thảm thực vật là khá phong phú cụ thể như sau: trạng thái rừng thứ sinh có số họ, số chi nhiều nhất với 71 họ chiếm 85,54% và 142 chi chiếm 81,60%. Tiếp đến là thảm cây bụi với 58 họ chiếm 69,87% và 89 chi chiếm 51,14%. Ở thảm cỏ có số họ và chi là ít nhất trong điểm nghiên cứu với 32 họ chiếm 38,55% và 70 chi chiếm 40,22%.

Bảng 1

Số lượng, tỷ lệ % họ, chi trong các trạng thái thảm thực vật

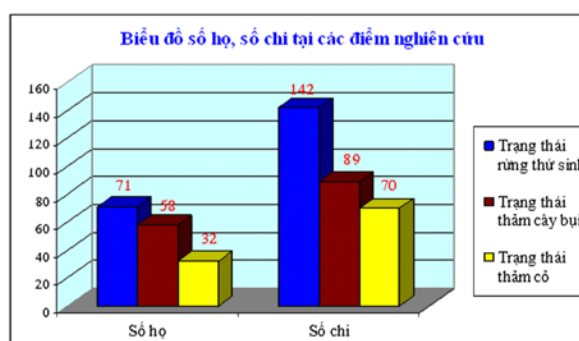
TT	Trạng thái thảm thực vật	Họ		Chi	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1.	Trạng thái rừng thứ sinh	71	85,54	142	81,60
2.	Trạng thái thảm cây bụi	58	69,87	89	51,14
3.	Trạng thái thảm cỏ	32	38,55	70	40,22
Tổng số		83		174	

3. Đa dạng về dạng sống tại khu vực nghiên cứu

Các dạng sống trong các trạng thái thảm thực vật được chúng tôi trình bày theo thang phân loại của Raunkiaer (1934) gồm có 5 nhóm dạng sống cơ bản.

* *Trạng thái thảm thực vật rừng thứ sinh:*

Tại điểm nghiên cứu trên có 424 loài thuộc 5 dạng sống khác nhau (Bảng 2). Ở đây dạng sống có số lượng loài nhiều nhất là cây có chồi trên đất (Ph) có 125 loài chiếm 29,48% tổng số loài trong điểm nghiên cứu. Cây chồi sát đất (Ch), cây một năm (Th) có số loài như nhau 89 loài chiếm 20,99% tổng số loài trong điểm nghiên cứu. Tiếp đến là cây chồi nửa ẩn (Hm), cây chồi ẩn (Cr) có số loài tương đương nhau chiếm khoảng 14,26%.



Hình 1: Số họ, số chi tại các điểm nghiên cứu

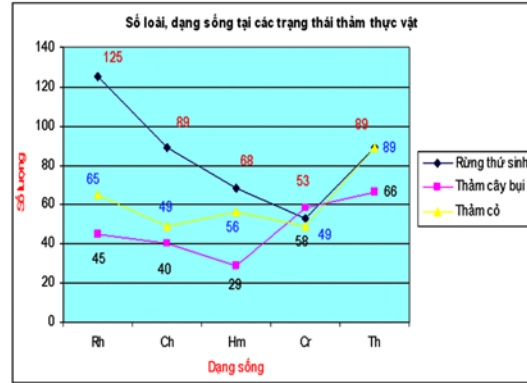
Bảng 2

Những dạng sống chính trong các trạng thái thảm thực vật

Trạng thái	Dạng sống	Cây có chồi trên đất (Ph)	Cây chồi sát đất (Ch)	Cây chồi nửa ẩn (Hm)	Cây chồi ẩn (Cr)	Cây một năm (Th)	Tổng số
Rừng thứ sinh	Số họ	27	43	35	54	63	
	Số loài	125	89	68	53	89	424
Thảm cây bụi	Số họ	23	18	24	39	42	
	Số loài	45	40	29	58	66	248
Thảm cỏ	Số họ	13	16	13	17	53	
	Số loài	65	49	56	49	89	308

* *Trạng thái thảm cây bụi:* Tại điểm nghiên cứu có 248 loài thuộc 5 dạng sống khác nhau (Bảng 2), trong đó nhóm dạng sống cây một năm (Th) có 66 loài. Dạng sống trên có số lượng loài chiếm 26,61% tổng số loài. Nhóm dạng sống cây chồi ẩn (Cr) có số lượng loài 58 chiếm 23,38% tổng số loài trong điểm nghiên cứu. Cây có chồi trên đất (Ph) với 45 loài, cây chồi sát đất (Ch) có 40 loài. Mỗi dạng trên có số lượng loài chiếm khoảng 16,93% tổng số loài trong điểm nghiên cứu. Cây chồi nửa ẩn (Hm) với 29 loài chiếm 11,69% tổng số loài trong điểm nghiên cứu.

* *Trạng thái thảm cỏ*: Tại điểm nghiên cứu dạng sống cây một năm (Th) có 89 loài trong tổng số 308 loài chiếm 28,89%. Các dạng sống còn lại là cây có chồi trên đất (Ph), cây chồi sát đất (Ch), cây chồi nửa ẩn (Hm), cây chồi ẩn (Cr) có số loài tương đương nhau và có dao động nhỏ không đáng kể chiếm 71,11% tổng số loài. Tại điểm nghiên cứu với sườn dốc 25⁰, chúng tôi nhận thấy dạng sống có số lượng loài nhiều nhất là cây có chồi trên đất (Ph) ở trạng thái thảm thực vật rừng thứ sinh và nó cũng là kiểu quyết định hình thái ngoại mạo quần xã. Và đây là điểm có số loài nhiều nhất trong 3 điểm nghiên cứu tại Hoà Mộc, trong đó quan trọng nhất là các dạng sống thuộc họ Lúa (Poaceae), họ Đậu (Fabaceae). Dạng sống có số loài thấp nhất là cây chồi sát đất (Ch), cây chồi ẩn (Cr) ở trạng thái thảm cỏ



Hình 2: Số loài, dạng sống trong các trạng thái thảm thực vật

Sau khi nghiên cứu thành phần loài và dạng sống của các điểm nghiên cứu đã và đang được sử dụng ở các mức độ khác nhau, chúng tôi có một số nhận xét sau: Các thảm thực vật tự nhiên tại các địa phương ngày càng bị thu hẹp, các thảm rừng tự nhiên nguyên sinh đã gần như không còn. Các loại rừng trồng, rừng phục hồi tự nhiên, các loại cây trồng khác đã lấn chiếm dần các thảm cỏ; Rừng phục hồi tự nhiên, rừng trồng giai đoạn đầu còn tồn tại thảm cỏ, mặc dù thành phần loài đơn giản hơn, thường không ổn định, song vẫn được người dân địa phương khai thác, khi rừng khép tán thảm cỏ sẽ mất; Thảm thực vật gần nơi sinh sống của người dân địa phương thì thành phần loài và dạng sống tăng lên, đặc biệt là tăng số lượng loài cây thuộc thảo và cây bụi.

4. Đề xuất một số biện pháp để bảo tồn các trạng thái thảm thực vật

Hoà Mộc là một trong các xã vùng cao của huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn. Do nằm gần đường quốc lộ nên sự tác động tiêu cực của người dân đến khu hệ động thực vật là rất lớn như: khai thác gỗ, đốt nương làm rẫy, khai thác vàng, quặng ở các vùng lân cận... từ đó làm ô nhiễm môi trường và suy thoái rừng. Chúng tôi đề xuất một số biện pháp nhằm bảo tồn nguồn tài nguyên sinh vật nói chung và thảm thực vật rừng nói riêng gồm: Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có, cấm khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ và săn bắt động vật hoang dã trái phép; Cho phép người dân khai thác các lâm sản ngoài gỗ, tuy nhiên những việc làm này phải có sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan chức năng; Đề phòng và chống cháy rừng, làm đường ranh giới để phòng cháy rừng; Áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng rừng, đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ, giao khoán rừng cho người dân địa phương để họ có ý thức bảo vệ, phát triển nguồn tài nguyên rừng.

III. KẾT LUẬN

Hoà Mộc có 3 kiểu trạng thái thảm thực vật đó là trạng thái rừng thứ sinh, trạng thái thảm cây bụi, trạng thái thảm cỏ. Hệ thực vật đa dạng và phong phú.

Để bảo tồn và phát triển các trạng thái thảm thực vật và hệ động thực vật vùng phụ cận (vùng đệm), đặc biệt là các loài động thực vật quý hiếm ở Hoà Mộc cần phải có một hệ thống các biện pháp ngay từ ớc mắt về kỹ thuật, chính sách, quản lý, bảo vệ và phục hồi thảm thực vật rừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ NN&PTNT**, 2000: Tên cây rừng Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Bộ NN&PTNT**, 2004: Cẩm nang ngành lâm nghiệp - Số liệu môi trường tự nhiên và lâm nghiệp Việt Nam. NXB. Giao thông vận tải, Hà Nội.
3. **Phạm Hoàng Hộ**, 1991, 1992, 1993: Cây cỏ Việt Nam, 6 tập. Montreal.
4. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007: Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. **Thái Văn Trưng**, 1978: Thảm thực vật rừng Việt Nam. NXB. KH&KT, Hà Nội.
6. **Nguyễn Tiến Bản** (chủ biên), 2003, 2005: Danh lục thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.

THE DIVERSITY OF FOREST VEGETATION IN HOA MUC VILLAGE, BAC KAN PROVINCE

HOANG THI THUY HANG, TRAN DINH LY

SUMMARY

The study is on the status of the plant cover, including secondary forest cover, scrub cover and grass cover in Hoa Muc village, Bac Kan town, Bac Kan province. The methods of study are route survey, standard plot survey, and survey among the residents using survey forms and direct interview.

The research result shows that in Hoa Muc there are three states of the vegetation. The flora is diverse and varied. In order to preserve and expand the status of the plant cover, the flora and fauna in the buffer zone, especially the rare plants and animals, Hoa Muc authority has to set up a timely systematic solutions in technique, policy, management, preserving and regenerating the forest plant cover.